

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA

## QUYỂN 25

### I. CHÍN MƯỜI PHÁP BA DẬ ĐỀ CA

#### **Tổng Nhiếp Tụng:**

*Vọng ngữ và chủng tử,  
Không sai cùng thường ăn,  
Nước trùng, bảo bạn đi,  
Bàng sanh, đám giặc, ăn.*

#### **Biệt Tụng Thứ Nhất:**

*Vọng, hủy và ly gián,  
Phát khởi, đồng thanh tụng,  
Nói tội, thật đặc quả,  
Theo bà con, khinh hủy.*

#### **Học Xứ Thứ Nhất: CỐ Ý VỌNG NGŨ**

Phật ở trong Trúc lâm, bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó cụ thọ La-hỗ-la ở trong rừng Ôn-tuyền bên thành này khi có Cư sĩ, Bà-la-môn kính tin đến hỏi Thế tôn nay ở đâu. Nếu lúc đó Thế tôn ở trong Trúc lâm thì La-hỗ-la nói là ở núi Linh Thứu, nếu Thế tôn ở Linh Thứu thì La-hỗ-la nói là ở Trúc lâm... khiến cho mọi người muốn đến đánh lễ Phật đều không thể gặp được, lại còn mỗi một khổ nhọc. Sau đó họ trở lại chỗ La-hỗ-la, La-hỗ-la hỏi có gặp Thế tôn không, họ nói: “Không gặp, tại sao Thánh giả cố ý xúc não chúng tôi?”, đáp: “Quả là tôi đã cố ý xúc não các vị”. Mọi người nghe rồi đều chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi sáng sớm đắp y mang bát vào thành Vương xá theo thứ lớp khát thực rồi trở về bốn xứ thọ thực. Sau đó đến chỗ La-hỗ-la trong rừng Ôn-tuyền, La-hỗ-la thấy Phật đến trải tòa, để nước rửa nghinh đón Phật, Phật ngồi xuống rửa chân rồi nghiêng chậu nước rửa đổ bỏ, chỉ chừa lại một chút nước trong chậu rồi hỏi La-

hỗ-la: “Con có thấy chút ít nước trong chậu không?”, đáp là thấy, Phật nói: “Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói vọng, không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu và là người thiếu pháp sa môn”, nói rồi trút đổ hết xuống đất hỏi La-hỗ-la: “Con có thấy chút nước trong chậu đổ hết ra đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu và là người bỏ mất hết pháp sa môn”, nói rồi Thế tôn đá chậu nghiêng ngửa ra đất hỏi La-hỗ-la: “Con có thấy chậu bị đá nghiêng ngửa ra đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu, là người làm nghiêng đổ pháp sa môn”, nói rồi Phật úp chậu xuống đất hỏi La-hỗ-la: “Con có thấy chậu bị úp xuống đất không?”, đáp có thấy, Phật nói: “Này La-hỗ-la, nếu Bí-sô cố tâm nói dối, không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai gọi đó là người ngu đã lật úp pháp sa môn. Này La-hỗ-la, như con voi chúa say rượu có sức mạnh, cặp ngà của nó như cày xe mặp khỏe khéo hay chiến đấu, khi ra chiến trường chiến đấu với đối phương thì bốn chân, cặp ngà, đuôi xương sống, xương hông đều có tác dụng, chỉ trừ cái vòi thì nó cuộn lại không đem ra dùng. Này La-hỗ-la, con voi này vì bảo vệ tính mạng nên không dùng cái vòi để quật ngã đối thủ. Người điều khiển quân voi liền biết con voi này vì hộ tiếc thân mạng. Này La-hỗ-la, nếu con voi khi cùng đối phương chiến đấu dùng cái vòi để tranh tài thì người điều khiển voi biết con voi này không tiếc thân mạng, khi sấp trận sẽ tàn hại, không việc ác nào là không làm. Cũng như vậy này La-hỗ-la, nếu có Bí-sô cố tâm nói dối không hổ thẹn cũng không truy hỏi, Như lai nói người như vậy không việc ác nào là không làm”. Thế tôn liền nói kệ:

*“Người nào trái thật pháp,  
Cố nói lời hư dối,  
Cho đến khi mạng chung,  
Không ác nào không làm.  
Thà nuốt hòn sắt đỏ,  
Cũng như lửa cháy hừng,  
Không dùng miệng phá giới,  
Ăn thức ăn tìn tâm”.*

Nói rồi Phật bảo La-hỗ-la: “Thầy có biết người đời tại sao hay cầm gương soi”, đáp: “Chính là để xem dung mạo đẹp hay xấu”, Phật nói: “Đúng như vậy, thân nghiệp của con khi sắp làm việc gì, con phải thường tự quán sát: “Thân nghiệp mà ta sắp tạo tác có hại cho tự thân

và thân người khác là việc bất thiện, là nghiệp khổ ác, có thể ở đời vị lai chiêu cảm quả dị thực khổ không?. Nếu không hại tự thân và thân người khác là việc thắng thiện, là nghiệp an lạc, có thể ở đời vị lai chiêu cảm quả Dị thực lạc không?. Nay La-hỗ-la, khi quán sát việc làm như vậy, có thể biết được thân nghiệp này ta sắp làm sẽ đem lại tổn giảm cho mình và người là việc bất thiện, là nghiệp khổ ác, có thể chiêu cảm quả Dị thực khổ ở đời vị lai thì nên kiểm nhiếp lại không nên làm. Nay La-hỗ-la, khi quán sát việc làm như vậy, có thể biết được thân nghiệp này ta sắp làm có thể làm Lợi-ích cho mình và người là việc thắng thiện, là nghiệp an lạc, có thể chiêu cảm quả Dị thực lạc ở đời vị lai thì nên phát khởi tu tập. Nay La-hỗ-la, thân nghiệp của con khi đang làm việc gì, con phải thường tự quán sát: “Thân nghiệp mà ta đang làm có thể tổn hại mình và người sẽ thọ khổ báo thì không nên làm, nếu thân nghiệp này làm Lợi-ích cho mình và người sẽ thọ quả báo an lạc thì nên tu học”. Nay La-hỗ-la, thân nghiệp của con đã làm việc gì, con phải thường tự quán sát: “Thân nghiệp mà ta đã làm tổn hại cho mình và người sẽ thọ khổ báo”. Tội nghiệp đã làm nên đối trước Phật chí thành khẩn thiết nói tội đã làm, hoặc đối trước vị đồng phạm hạnh thanh tịnh nói tội đã làm, phát lồ sám hối, thề không tái phạm. Nếu làm nghiệp thiện Lợi-ích cho mình và người sẽ thọ quả báo an lạc thì nên phát tâm hoan hỷ, đối với việc đã làm chớ có buông lung. Nay La-hỗ-la, đối với thân nghiệp sắp làm, đang làm và đã làm ba thời thường nên khéo quán sát như vậy; phải biết ngữ nghiệp, ý nghiệp cũng như vậy. Nay La-hỗ-la, phải biết quá khứ, hiện tại và vị lai tất cả hành nghiệp đều do ý sanh, nên thường quán sát loại bỏ vọng niệm, thường phát khởi tâm thiện. “Nay La-hỗ-la, đối với ba nghiệp thân ngữ ý khi nó hiện khởi nên khéo quán sát khiến nó tương ứng với thanh tịnh cùng cực. Như hiện tại quán sát ba nghiệp khiến nó tương ứng với thanh tịnh cùng cực, quá khứ vị lai cũng như vậy. Như vậy đối với ba nghiệp con phải thường tự quán sát khiến nó tương ứng với thanh tịnh cùng cực, chớ có buông lung”. Phật liền nói kệ:

*“La-hỗ-la nên biết,  
Thường quán sát ba nghiệp,  
Đừng nên tạo các ác,  
Là thuận lời Phật dạy.  
Đây là nghiệp Thanh văn,  
Con nay phải tu trì,  
Khi tu tập hạnh này,*

*Đứt ác tăng trưởng thiện”.*

Thế tôn nói pháp chỉ dạy cho La-hổ-la được lợi hỉ rồi từ tòa ngồi đứng dậy ra về, La-hổ-la đánh lễ hoan hỉ phụng hành. Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới.

Lúc đó Phật đang ở trong rừng Thệ-đa, có Bí-sô Pháp Thủ là Thích ca tử cũng trụ nơi đây. Pháp Thủ có biện tài có thể đánh bại luận thuyết của kẻ khác. Cũng trong lúc này ở nước trung phương có một Ma- nạp-phước-ca vì cầu học nên đến phương Nam (sự việc như trong duyên khởi của giới thứ bốn Ba-la-thị-ca). Vị sư mà Ma- nạp-phước-ca phụng sự là một Bà-la-môn ở phương Nam rất giỏi nghị luận, vị sư này cùng Ma- nạp-phước-ca và các đệ tử tuần tự du hành đến thành Thất-la-phiệt. Trong thành này có một Bà-la-môn thủ lãnh nghe nói có vị đại luận sư từ phương Nam đến liền nói với đồ chúng: “Các trò biết chăng, vị đại luận sư sắp đến đây để tìm địch luận, nếu đại luận sư kia ở trong các luận lập nghĩa thì các trò tùy theo điều đã học cùng nhau thù đối, nếu các trò phá được luận cứ ấy thì tốt, nếu không phá được thì hãy chỉ ông ta đến luận nghĩa với Thích ca tử. Nếu đại luận sư đó phá được luận cứ của thích ca tử tức là dòng Bà-la-môn của ta thắng, nếu Thích ca tử đánh bại được luận sư ấy thì cũng là dòng Bà-la-môn của ta thắng. Vì sao, vì có thể khiến tám phương nghe danh ở phương Nam có vị đại luận sư thông suốt bốn minh, hiểu rõ tám thuật đã tìm đến thành Thất-la-phiệt khích luận. Nếu người trong thành này đánh bại được luận cứ của Bà-la-môn ấy thì chúng ta cũng chẳng phải thua, nên cũng gọi là thắng”. Vị đại luận sư sau khi đến thành Thất-la-phiệt vào sáng sớm lấy y quấn bụng, tay cầm đuốc đi vào trong thành, một Bà-la-môn tử trông thấy liền hỏi: “Tại sao đại sư lấy y quấn bụng?”, đáp: “Những gì ta đã học được đây cả bụng, sợ nó vỡ ra nên ta phải lấy y quấn lại”, lại hỏi: “Vì sao đại sư cầm đuốc giữa ban ngày?”, đáp: “Ta thấy mọi người đều ngu muội nên cầm đuốc này muốn phát huy lửa trí của họ”. Sau đó vị đại luận sư khích luận với đồ chúng của Bà-la-môn kia và các học sĩ trong thành, tất cả đều bị khuất phục, mọi người nói: “Đại sư cơ gì làm nhục bằng hữu của mình?”, luận sư hỏi: “Không lẽ ở đây còn có bằng hữu khác hay sao?”, đáp có, lại hỏi là ai, đáp: “Là sa môn Thích tử mới hưng khởi gần đây, trong bốn giai cấp độc xưng là tối thắng, đa văn biện thuyết, mọi người đều nghe biết, đại sư nên đến khích luận với họ”. Luận sư hỏi: “Họ ở đâu?”, đáp ở trong rừng Thệ-đa, lại hỏi: “Trong chúng đó, ai là người khích luận bậc nhất”, đáp: “Họ đều là người đa văn mẫn tiệp, từ biện phân minh”. Đúng lúc đó Bí-sô Pháp

Thủ đi đến, mọi người trông thấy liền nói với luận sư: “Đại sư hãy khích luận với Bí-sô Pháp Thủ trước rồi tìm các sa môn Thích tử sau”. Luận sư nghe rồi nhìn kỹ Bí-sô, nói với mọi người: “Vừa nhìn qua tướng mạo, chắc chắn đây là luận chủ”, nói rồi liền đến chỗ Pháp Thủ nói rằng: “Tôi được học chút ít luận cứ nơi thầy tôi, nay tôi muốn cùng thầy luận nghị”, Bí-sô nói: Thật tốt, tôi cũng có tâm cầu luận nạn, gặp được địch thủ cũng thỏa lòng, tùy ý ông sắp xếp”, luận sư nói: “Ngày nay đối đàm được không?”, đáp: “Ngày mai ở tại vườn hoa \_”, ước hẹn rồi bỏ đi. Luận sư sau khi ước hẹn với Bí-sô rồi suốt đêm đó nghiên cứu cùng tột cả hai tông để tìm chỗ hở bài xích mãi cho đến trời sáng, lúc đó Bí-sô Pháp Thủ suy nghĩ: “Nếu ta phá được luận cứ của luận sư kia thì ta cũng không khỏi hằng ngày khát thực qua một trăm cửa nhà, còn nếu luận sư kia đánh bại ta thì danh xưng thủ lãnh của ta sẽ bị chôn vùi”, nghĩ rồi không đi đến chỗ đã ước hẹn. Luận sư kia sáng sớm đến vườn hoa chờ đợi mãi không thấy Bí-sô đến liền trở về, còn Pháp Thủ thấy đã qua giờ hẹn mới vào thành thứ lớp khát thực, luận sư kia gặp liền hỏi: “Tại sao Bí-sô không đến chỗ hẹn ở vườn hoa \_?”, Pháp Thủ liền hỏi: “Vườn hoa nào?”. Luận sư hỏi lại: “Thánh giả không nhớ ngày hôm qua đã ước hẹn sáng nay đến vườn hoa \_ để luận nạn hay sao?”, Pháp Thủ nói: “Tôi quên mất”, luận sư nghe rồi liền suy nghĩ: “Ta suốt đêm nghiên cứu luận cứ không ngủ mà Bí-sô lại nói tôi quên mất”, lại nghĩ: “Bí-sô này thuộc trong hai hạng người: Một là hạng người tình thức ngu tối, hai là hạng người biện tài hơn người”, nghĩ rồi liền nói: “Nếu vậy ngày mai Bí-sô đúng hẹn nhé”, đáp: “Cứ như thế”. Sáng hôm sau luận sư liền đến vườn hoa \_ chờ mãi vẫn không thấy Bí-sô đến nên trở về, còn Pháp Thủ thấy đã qua giờ ước hẹn mới vào thành khát thực, luận sư lại gặp liền hỏi: “Tại sao Bí-sô lại không đến?”, Pháp Thủ nói: “Tôi có rất nhiều việc phải làm, buổi sáng phải thừa sự Đại sư, nghe những pháp chưa nghe, rồi phải dạy cho môn đồ và đến các nhà hào quý để thuyết pháp”, luận sư nói: “Bí-sô không nên cố tâm vọng ngữ”. Do Bí-sô Pháp Thủ ước hẹn cùng người luận nạn mà không đến, cố tâm vọng ngữ khiến cho luận sư kia tối lui mỗi một, nên các ngoại đạo đều chê trách: “Sa môn Thích tử cố tâm vọng ngữ, cùng người ước hẹn luận nạn lại không đến khiến cho luận sư nhọc công tối lui”. Các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp các Bí-sô... cho đến câu: ... Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: **“Nếu lại có Bí-sô cố ý vọng ngữ, phạm Ba-dật-đề-ca”**.

Bí-sô trong đây là chỉ cho Pháp Thủ. Cố ý là tâm biết rõ việc

kia. Vọng ngữ có chín loại, tám loại, bảy loại, sáu, năm, bốn, ba, hai loại vọng ngữ sai khác nhau. Chín loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề xá ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng để vọng ngữ. tám loại vọng ngữ là dùng vô căn Tha thắng, Tăng-già-phạt-thi-sa, Ba-dật-đề-ca, Đề xá ni, Đột-sắc-ngật-lý-đa; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Bảy loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. sáu loại vọng ngữ là Bí-sô muốn vọng ngữ nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ; khi đang vọng ngữ nghĩ rằng ta đang vọng ngữ; khi đã vọng ngữ nghĩ rằng ta đã vọng ngữ; dùng vô căn kiến văn nghi để vọng ngữ. Năm loại vọng ngữ là dùng vô căn năm bộ tội để vọng ngữ. Bốn loại vọng ngữ là dùng vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Ba loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta sẽ vọng ngữ, ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Hai loại vọng ngữ là nghĩ rằng ta đang vọng ngữ và ta đã vọng ngữ. Không có một loại mà thành vọng ngữ. Lại có năm loại vọng ngữ là tự mình có vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca, hoặc phạm Tăng-già-phạt-thi-sa, hoặc phạm Tốt-thổ-la-đề, hoặc phạm Ba-dật-đề-ca, hoặc phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa. Sao gọi là vọng ngữ phạm Ba-la-thị-ca? Bí-sô thật không chứng được pháp thượng hơn mà tự xưng là đã chứng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tăng-già-phạt-thi-sa? Bí-sô biết Bí-sô kia thanh tịnh không phạm, dùng pháp vô căn Tha thắng để hủy báng. Sao gọi là vọng ngữ phạm Tốt-thổ-la-đề? Bí-sô ở trong chúng cố tâm vọng ngữ, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật, luật nói là phi luật... Sao gọi là vọng ngữ phạm Đột-sắc-ngật-lý-đa? Bí-sô mỗi nửa tháng làm lễ Bao sái đà, khi tụng giới kinh được hỏi có thanh tịnh không, mình thật không thanh tịnh, tự biết có phạm khởi tâm che giấu ngồi im lặng. Ngoài bốn loại vọng ngữ kể trên, các loại vọng ngữ khác đều phạm Ba-dật-đề-ca. Ba-dật-đề-ca nghĩa là đọa lạc, bị đốt nấu trong ba đường ác. Tội này nếu không ân cần nói tội sám trừ thì có thể chướng ngại pháp lành đã có.

Trong học xứ này tướng phạm như thế nào?

*Nhiếp Tụng :*

*Nếu thật không thấy nghe,  
Không giác tri và tưởng,  
Nghĩ ngờ mà nói khác,  
Là vọng ngữ nên biết.*

Nếu Bí-sô không thấy, không nghe, không giác tri, khởi tưởng như

vậy, chấp nhận như vậy nói rằng: Tôi thấy nghe, giác tri. Khi nói như vậy mỗi lời đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô từng thấy nghe, giác tri mà quên, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy, không nhớ việc đó mà nói là không quên thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô thật thấy nghe, giác tri sau sanh nghi, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy mà nói là thấy nghe giác tri không có nghi thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô thật không thấy nghe giác tri mà tưởng là thấy nghe giác tri nói rằng tôi thật có thấy nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca.

Nếu Bí-sô thật không thấy nhưng có nghe giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe giác tri thì mỗi lời nói đều phạm Ba-dật-đề-ca. Nếu Bí-sô thật không nghe nhưng có thấy giác tri, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi nghe nhưng không có thấy giác tri thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu Bí-sô thật không có giác (hiểu) nhưng có thấy nghe và tri (biết), khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi có hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu Bí-sô thật không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy, chấp nhận như vậy; sau nói rằng tôi biết nhưng không thấy nghe và hiểu thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật thấy mà quên còn nghe hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi thấy không quên, nghe hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật nghe mà quên còn thấy hiểu biết không quên, khởi tưởng như vậy; sau nói rằng tôi nghe không quên, thấy hiểu biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà quên còn thấy nghe biết không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không quên, thấy nghe biết cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật biết mà quên còn thấy nghe hiểu không quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không quên, thấy nghe hiểu cũng không quên thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật thấy mà nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy không nghi, còn nghe hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật nghe mà nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi nghe không nghi, còn thấy hiểu biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà nghi còn thấy nghe biết không nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội. Nếu thật biết mà nghi còn thấy nghe hiểu không nghi,

khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi thì mỗi lời nói đều phạm bốn tội.

Nếu thật không thấy khởi tưởng không thấy, còn nghe hiểu biết tưởng có nghe hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi thấy nhưng không có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không nghe khởi tưởng không nghe nhưng khởi tưởng có thấy hiểu biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng không có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không hiểu khởi tưởng không hiểu nhưng khởi tưởng có thấy nghe biết; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi hiểu nhưng không có thấy nghe biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật không biết khởi tưởng không biết nhưng khởi tưởng có thấy nghe hiểu; khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi biết nhưng không có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy nghe hiểu biết mà không quên việc kia, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng lại quên việc kia thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết không sanh nghi tâm, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nghe hiểu biết nhưng sanh nghi tâm thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật thấy nghe hiểu biết tưởng có thấy nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không có thấy nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy nhưng không có nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe nhưng không có thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu mà không có thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết mà không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu thì khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy không quên còn nghe hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng quên, còn nghe hiểu biết không quên thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe không quên còn thấy hiểu biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng quên, còn thấy hiểu biết không quên thì khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu không quên còn thấy nghe biết lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng quên còn thấy nghe biết không quên, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết không quên còn thấy nghe hiểu lại quên, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng quên còn thấy nghe



hiểu không quên, khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy không nghi còn nghe hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có thấy nhưng nghi còn nghe hiểu biết không nghi, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe không nghi còn thấy hiểu biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có nghe nhưng nghi còn thấy hiểu biết không nghi, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu không nghi còn thấy nghe biết có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có hiểu nhưng nghi còn thấy nghe biết không nghi, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết không nghi còn thấy nghe hiểu có nghi, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi có biết nhưng nghi còn thấy nghe hiểu không nghi, khi nói phạm bốn tội.

Nếu thật thấy tưởng có thấy nhưng tưởng không nghe hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không thấy nhưng có nghe hiểu biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật nghe tưởng có nghe nhưng tưởng không thấy hiểu biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không nghe nhưng có thấy hiểu biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật hiểu tưởng có hiểu nhưng tưởng không thấy nghe biết, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không hiểu nhưng có thấy nghe biết, khi nói phạm bốn tội. Nếu thật biết tưởng có biết nhưng tưởng không thấy nghe hiểu, khởi tưởng như vậy sau nói rằng tôi không biết nhưng có thấy nghe hiểu, khi nói phạm bốn tội. Nếu Bí-sô nói trái với tâm nghĩ đều phạm Ba-dật-đề-ca, không nói trái với tâm nghĩ thì không phạm. Không phạm nữa là người phạm ban đầu hoặc si cuồng tâm loạn bị thống não bức bách.

#### *Học Xứ Thứ Hai: CHÊ BAI MAI MĨA*

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ-đa thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô chê bai mai mĩa các Bí-sô như nói: “Thầy mắt chột, lưng gù, quá cao, quá lùn, quá mập, hoặc điếc, mù, câm, ngọng, chân què đi chống nạng, răng hô, môi sệ...”, khiến các Bí-sô này hổ thẹn không vui, bỏ phước tụng niệm tư duy. Các Bí-sô thiếu dục liền chê trách: “Tại sao Bí-sô lại chê bai mai mĩa Bí-sô, nói thầy mắt chột... giống như đoạn văn trên”, bạch Phật, Phật do nhân duyên này nhóm họp các Bí-sô... cho đến câu: ... Đây không phải là việc làm của một sa môn, vì sao? Các thầy hãy lắng nghe:

Ngày xưa trong một tụ lạc nọ có một trưởng giả cưới vợ thời gian không lâu sau sanh được một đứa con gái dần dần lớn khôn. Trưởng giả phải tự mình cày ruộng, lúc đó có một cư sĩ tử, cha mẹ đều qua đời, thường vào rừng đốn củi đem bán để tự nuôi sống, khi gánh củi tới một

gốc cây dừng nghỉ liền thấy trưởng giả đang tự mình cày ruộng nên đến hỏi: “Cậu đã già yếu, tại sao lại tự cày ruộng cực khổ như thế?”, đáp: “Này cháu, ta không có anh em cũng không có con trai nếu không tự cày ruộng thì làm sao có cơm ăn”, cư sĩ tử nói: “Để cháu cày thay cho, cậu hãy nghỉ tay một chút”. Trưởng giả vui vẻ đưa cái cày cho chàng trai cày thay, đến trưa người nhà mang cơm nước đến, trưởng giả bảo chàng trai cùng ăn, ăn xong chàng trai nói: “Cậu hãy về nghỉ để cháu cày luôn đến chiều, nhưng cháu không biết nhà cậu, chiều tối cậu cho người ra đầu thôn đón cháu”, trưởng giả nghe vậy liền về nhà nghỉ, chàng trai cày đến chiều, thả bò cho ăn cỏ rồi gánh củi lửa bò trở về, đến đầu thôn đã thấy trưởng giả đứng đón dẫn chàng trai về nhà. Về đến nhà chàng trai quét dọn chuồng bò, rải rơm khô rồi bỏ cỏ cho bò ăn, trưởng giả thấy chàng trai siêng năng chịu khó như vậy liền suy nghĩ: “Ta nhờ chàng trai này mà được thanh thoi, ta nên gả con gái cho nó”. Ăn tối xong, trưởng giả nói: “Này cháu, cháu hãy ở đây siêng năng chịu khó coi ngó gia nghiệp, ta sẽ gả đưa con gái của ta cho cháu làm vợ”, chàng trai nói: “Nếu được như vậy thì cháu thật tốt phúc”. Từ đó chàng trai hết mình phục vụ cho sanh nghiệp của gia đình trưởng giả, trưởng giả có nuôi hai con bò, con lớn bằm tánh hiền lành, con nhỏ tánh ham ăn, tuy đã xỏ mũi vẫn tìm cách ăn lúa bắp của người nên bị đồng tử chặn giữ ném đá đánh đuổi làm gãy mất một cái sừng, do đó nó có tên là con bò gãy sừng; thời gian sau nó lại ăn lúa bắp của người bị người chặn giữ quăng cái liềm chặt đứt cái đuôi của nó, từ đó nó được gọi là con bò gãy sừng cụt đuôi. Trải qua một thời gian, chàng trai nhắc trưởng giả về hôn nhân mà ông đã hứa, trưởng giả nghe rồi liền bảo vợ: “Hiền thủ hãy sắm sửa y phục và chuôi anh lạc cho con gái, không bao lâu nữa sẽ gả con gái lấy chồng”, người vợ liền hỏi gả cho ai, trưởng giả nói: “Tôi đã hứa gả cho cư sĩ tử”, người vợ nói: “Ông tộc của cư sĩ tử này vốn không biết rõ, tại sao lại đem con gái gả cho nó. Bàn chuyện hôn nhân thì thân thuộc phải qua lại mời nhau ăn uống, dòng họ có tương ưng tôi mới chịu gả con”, trưởng giả nói: “Hiền thủ, cư sĩ tử này từ ngày đến nhà ta đã siêng năng chịu khó làm hết mọi việc nên tôi mới được thanh thoi”, người vợ nói: “Tôi thật không thể gả con cho một gã làm thuê, xóm giềng sẽ nhiều lời mai mỉa”. Trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: “Nếu ta nói không gả con gái thì chàng trai này sẽ bỏ đi, ta sẽ phải cực khổ như trước, ta nên đổi lập phương tiện”, nghĩ rồi liền nói với chàng trai: “Này cháu, họ hàng thân tộc của ta rất đông, khi tụ về dự lễ cưới ắt phải cần nhiều thức ăn thức uống, vậy cháu hãy đợi mùa thu lúa

chín”. Sau vụ lúa mùa thu chàng trai lại nhắc việc hôn nhân, trưởng giả nói: “Cháu hãy đợi đến mùa mía”, thu hoạch mía xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại nói: “Hãy đợi đến mùa lúa mạch”, thu hoạch lúa mạch xong chàng trai lại nhắc, trưởng giả lại bảo hãy đợi đến mùa lúa mới, chàng trai thấy trưởng giả cứ hẹn lần hẹn nữa liền suy nghĩ: “Hết hẹn mùa lúa tới hẹn mùa mía... xem ra đều là lừa gạt ta, ta nên nói cho mọi người trong thôn biết, nếu không được ta kiện lên quan”. Nghĩ rồi liền nói cho mọi người trong thôn biết, mọi người nghe rồi liền đến hỏi trưởng giả: “Ông đã hứa gả con sao không chịu làm lễ thành hôn cho chúng nó?”, trưởng giả nghe rồi nổi giận nói: “Chàng trai đó là người làm công, lẽ nào tôi lại hứa gả con cho người làm công như nó”. Mọi người nghe rồi đều im lặng, cư sĩ tử suy nghĩ: “Ta không được tiền công lại không được vợ, thật là luống uổng thời gian mà chẳng được gì. Nay ta phải gây tổn hại gì cho họ rồi mới ra đi”. Nghĩ rồi đến giữa trưa chàng trai lừa hai con bò ra ngoài đánh đập khổ sở rồi cột vào gốc cây cho phơi nắng. Thời đó súc vật hiểu được lời nói của người nên nói với cư sĩ tử: “Này chàng trai, trước đây ông biết được sự khó nhọc của chúng tôi nên thương tưởng, ân đồng như cha mẹ, sao nay lại đánh đập chúng tôi khổ sở còn cột chúng tôi vào gốc cây cho phơi nắng như thế này, chúng tôi có lỗi gì với ông?”, cư sĩ tử nói: “Các người không có lỗi gì nhưng chủ của người có lỗi với ta”, bò hỏi: “Chủ tôi có lỗi gì?”, đáp: “Ông ta trước hứa gả con gái cho ta nay lại nuốt lời”, bò nói: “Sao ông không kiện lên quan?”, đáp: “Vì không có người làm chứng”, bò nói: “Chúng tôi sẽ làm chứng cho ông”, chàng trai hỏi: “Người có nói được tiếng người không?”, bò nói: “Chúng tôi không nói được tiếng người nhưng chúng tôi sẽ hiện tướng khiến cho người ta hiểu. Ông phải ở trước quan tề cho họ tin, sau đó đưa chúng tôi đến làm chứng. Ông hãy nhốt chúng tôi vào chuồng dùng cho ăn cỏ uống nước đủ bảy ngày rồi thả chúng tôi ra chỗ có nhiều cỏ nước để cho họ thấy và tin chúng tôi vẫn không chịu ăn cỏ uống nước, chúng tôi sẽ hiện tướng để vua quan tin lời ông nói là sự thật, lúc đó chúng tôi mới ăn uống lại”. Chàng trai nghe rồi liền thả bò ra lừa chúng đến chỗ cỏ xanh tươi để nó ăn no rồi mới lừa chúng về chuồng. Sau đó chàng trai đến chỗ vua tâu rằng: “Đại vương, tại thôn \_\_\_ có ông trưởng giả tên \_\_\_ đã hứa gả con gái cho tôi để tôi cực khổ làm việc nhiều năm nay, nay lại nuốt lời không chịu gả”. Nhà vua cho gọi ông trưởng giả đến hỏi rõ thực hư, trưởng giả nói không có hứa như vậy, vua hỏi cư sĩ tử: “Người có người làm chứng không?”, đáp: “Có, là hai con bò nuôi trong nhà trưởng giả”, vua hỏi: “Chúng có nói được

tiếng người không?”, đáp: “Chúng không nói được tiếng người, nhưng chúng có thể hiện tướng khiến người hiểu được, hai con bò làm chứng này đem nhốt trong chuồng bảy ngày không cho ăn uống, đủ bảy ngày thả ra ở chỗ có cỏ nước, nó vẫn không ăn uống và hiện tướng cho đến khi nào Đại vương tin, nó mới chịu ăn uống. Nếu tôi nói hư dối tôi xin chịu tội tử”. Nhà vua bảo đại thần: “Hãy y theo lời nói của chàng trai để chúng nghiệm thật hư”. Đại thần tuân lệnh đem hai con bò nhốt trong chuồng không cho ăn uống, lúc đó con bò gãy sừng cụt đuôi nói với con bò lớn: “Tại sao chúng ta phải nhận lấy hạn kỳ bảy ngày ở trong chuồng không được ăn uống gì”, bò lớn nói: “Chúng ta đã hứa với chàng trai làm chứng, tự nhịn đói nhịn khát cho đến khi nào vua tin lời chàng trai nói”, bò gãy sừng cụt đuôi nói: “Nếu được thả ra gặm cỏ tôi cũng nuốt huống chi là cỏ nước”, bò lớn nói: “Chàng trai đã thương tưởng chúng ta như cha mẹ, chúng ta không thể làm trái lời đã hứa”, bò gãy sừng cụt đuôi nói: “Tuy có ái niệm nhưng chàng ta vẫn thường gọi tôi là bò gãy sừng cụt đuôi, tôi không thích”. Bò lớn nghe rồi im lặng, lúc đó chàng trai đến thăm hai con bò có an ổn không, bò lớn nói: “Tôi an ổn nhưng ông không được an ổn”, chàng trai hỏi: “Nói vậy là ý gì?” Bò lớn nói: “Bò gãy sừng cụt đuôi nói nếu được thả ra gặm cỏ nó cũng nuốt huống chi là cỏ nước”, chàng trai nói: “Nếu vậy thì đêm nay tôi phải chạy trốn vì tội dối vua là tội tử”, bò lớn nói: “Ông không cần chạy trốn, ông hãy lấy dây xỏ vào mũi của bò gãy sừng cụt đuôi rồi cột sợi dây đó vào cặp sừng của tôi. Ngày được thả ra nếu bò nhỏ vội ăn uống thì tôi dùng cặp sừng đưa hồng mũi của nó lên, lúc đó ông nói với mọi người là chúng tôi đang nói với vị hộ thế thứ năm, nhất định mọi người sẽ tin lời ông nói”. Chàng trai nghe rồi liền làm y theo lời bò lớn nói, bò gãy sừng cụt đuôi nói với bò lớn: “Đây quả là khổ hình đối với tôi”, bò lớn nói: “Hãy xem nó là chuỗi anh lạc thì có khổ gì”. Đủ bảy ngày hai con bò được thả ra chỗ có nhiều cỏ nước, vua và đại thần đều đến xem hai con bò hiện tướng gì làm chứng. Lúc con bò gãy sừng cụt đuôi muốn ăn cỏ uống nước, con bò lớn liền đưa cặp sừng làm cho mũi của bò nhỏ hồng lên trời, vua thấy vậy hỏi Đại thần: “Chúng hiện tướng như vậy là ý gì?”, Đại thần là người có trí tuệ vua: “Ý chúng muốn nói sự việc đó không chỉ hai chúng nó làm chứng mà vị hộ thế thứ năm cũng làm chứng”. Nhà vua thấy việc hy hữu này rồi liền bảo các Đại thần: “Súc sanh là loài vô tri thức còn vì người làm chứng sự việc hứa hôn không phải là hư dối. Nay ta tác thành cho chàng trai và con gái của trưởng giả thành chồng vợ.”

Phật bảo các Bí-sô: “Các thầy nên biết loài bàng sanh nghe chê bai còn không thích huống chi loài người. Từ nay các thầy không được dùng ác ngữ chê bai mai mỉa người khác”. Đây là duyên khởi nhưng Phật chưa chế giới, Phật lại bảo các Bí-sô: “Khi nói lời chê bai mai mỉa người khác thì việc đã làm trong đời hiện tại không thể thành tựu. Các thầy lắng nghe”:

Ngày xưa, trong một thôn nọ có ông trưởng giả làm nghề đánh xe, nuôi hai con bò cái để kéo xe, một con tên Hoan Hỉ, một con tên Mỹ Vị. Thời gian sau cả hai con bò đều sanh được một con dần dần khôn lớn, con của bò Hoan Hỉ có sừng dài nên được gọi là Hoan Hỉ sừng dài; con của bò Mỹ Vị đầu trọc không sừng nên được gọi là Mỹ Vị trọc đầu, cả hai con bò này đều mập mạnh như nhau. Một hôm nhóm người đánh xe cùng cho bò uống nước trong ao, một người nói: “Hãy thử xem bò của ai sức mạnh hơn”, ai nấy đều nói bò của mình sức mạnh hơn, trưởng giả nói: “Bò của tôi có sức mạnh hơn hết”, mọi người hỏi: “Làm sao biết được bò của ông có sức mạnh hơn hết?”, trưởng giả nói: “Bò tôi có thể kéo được một xe nặng lên sườn dốc”. Mọi người nghe rồi liền đánh cược với trưởng giả năm trăm kim tiền rồi cho hai con bò kéo chiếc xe nặng lên sườn dốc, trưởng giả quát hai con bò: “Hoan Hỉ sừng dài kéo nhanh lên, Mỹ Vị trọc đầu kéo nhanh lên”. Lúc đó con bò trọc đầu nghe kêu mình là trọc đầu nên không vui liền đứng yên không chịu kéo xe lên. Trưởng giả thua cuộc mất năm trăm kim tiền nên nổi giận đánh đập hai con bò tàn nhẫn, rồi cột bên gốc cây cho phơi nắng. Bò sừng dài nói với trưởng giả: “Trước đây ông thương tưởng chúng tôi như cha mẹ, nay tôi có lỗi gì mà ông lại đối xử như vậy?”, trưởng giả nói: “Do hai người không chịu kéo xe lên sườn dốc nên ta thua mất năm trăm kim tiền”, bò sừng dài nói: “Do ông tạo khẩu nghiệp chớ chúng tôi có lỗi gì”, trưởng giả hỏi: “Ta đã tạo khẩu nghiệp gì?”, bò trọc đầu nói: “Trước mọi người ông lại quát kêu tôi là trọc đầu, tôi không thích, nếu ông gọi tôi bằng tên gọi trù mến hơn thì tôi mới vui vẻ kéo xe lên sườn dốc. Lần sau ông đánh cược lại gấp đôi tiền lần trước, chúng tôi sẽ kéo xe lên sườn núi bù lại số tiền thua cuộc lần này”. Thời gian sau trưởng giả lại đánh cược với nhóm người đánh xe, họ nói: “Ông muốn thua cuộc lần nữa hay sao?”, trưởng giả nói: “Tôi thua thì các ông đâu có mất mát gì, lần này xe chở nặng hơn lần trước và tiền cá cược là một ngàn kim tiền”. Mọi người nghe rồi bằng lòng đánh cược, trưởng giả liền cho hai con bò kéo xe lên sườn dốc và cổ vũ chúng nó: “Hoan Hỉ nhanh lên nào, Mỹ Vị nhanh lên nào”. Hai con bò nghe cổ vũ với giọng trù mến nên vui vẻ ra sức kéo

---

xe lên sườn dốc, trưởng giả thắng cược thu về một ngàn kim tiền. Lúc đó thiên thần trên hư không nói kệ:

*“Dù có chở nặng mảy, Từ dưới kéo lên  
đôi, Tâm hai bò nếu vui, Cũng kéo được  
xe này. Nếu nói lời thuận ý, Hai bò nghe  
vui mừng, Kéo xe lên không khó,  
Giúp chủ thắng ngàn vàng, Cho nên thường  
ái ngữ, Đừng nói lời chối tai,  
Vì khi nói ái ngữ,  
Vô tội thường an vui’.”*

Phật bảo các Bí-sô: “Loài bàng sanh nghe lời chê bai còn không vui giúp chủ hướng chi là người, cho nên các Bí-sô không nên nói lời chê bai người khác”. Phật quở trách Lục chúng Bí-sô rồi bảo các Bí-sô:

... Nơi Tỳ-nại-da chế học xứ này cho các Bí-sô như sau: ***“Nếu lại có Bí-sô nói lời chê bai mai mỉa, phạm Ba-dật-đề-ca.”***

Hủy tử ngữ là dùng lời chê bai mai mỉa người khác, nếu người kia hiểu được ưu sầu không vui thì Bí-sô này phạm Ba-dật-đề-ca.

